TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG

Bản án số: 35/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 01/7/2019
***V/v:* " Xin ly hôn, nuôi con"**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Tựu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/Ông Trần Văn Giữ

2/Ông Nguyễn Tấn Phong

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trí, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long không dự phiên tòa:

Ngày 01 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. Tòa án nhân dân huyện Bình Tân tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 44/2019/TLST-HNGĐ, ngày 11/3/2019 về việc "Xin ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/5/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2019/QĐST – HNGĐ ngày 13/6/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lại Văn H, sinh năm 1993 (có mặt)

ĐKHKTT: Tổ 12, ấp MH, xã NVT, BT, VL.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị TL, sinh năm 1994 (Vắng mặt)

ĐKHKTT: Tổ 12, ấp MH, xã NVT, BT, VL.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và bản khai ngày 5/3/2019 và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn anh Lại Văn H trình bày: Vào năm 2014, Tôi và chị L cưới nhau, hôn nhân do quen biết nhau và có tìm hiểu trước, cha mẹ hai bên đồng ý, có tổ chức lễ cưới. Chúng tôi có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NVT, huyện BT và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 11/01/2017.

Nữ trang ngày cưới gồm: 1 đôi bông hoa tai 1 chỉ vàng 24k, 1 sợi dây chuyền 5 chỉ vàng 24k, 1 lắc đeo tay 4 chỉ vàng 24k. Tổng cộng là 10 chỉ vàng 24k. Hiện tại tôi đang giữ 4 chỉ vàng 24k, chị Loan đang giữ 6 chỉ vàng 24k.

Sau khi cưới, vợ chồng chúng tôi sống tại tổ 12, ấp MH, xã NVT, huyện BT, tỉnh VL.

Thời gian đầu, Chúng tôi sống rất hạnh phúc được 2 năm và sinh được 1 con chung tên Lại Thành , sinh ngày 28/7/2015. Hiện cháu D đang sống chung với tôi.

Trong thời gian chung sống chúng tôi không tạo lập ra tài sản chung, không thiếu nợ ai, cũng không có ai thiếu nợ vợ chồng chúng tôi.

Về mâu thuẫn gia đình: Do vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống. Chúng tôi ly thân với nhau từ tháng 4/2018 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau: Về hôn nhân: Tôi xin được ly hôn với chị Nguyễn Thị TL. Về con chung: Lại Thành D, sinh ngày 28/7/2015, tôi yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, tôi không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

*Bị đơn chị Nguyễn Thị Thảo L vắng mặt không nộp bản khai.

*Tại phiên tòa:

-Nguyên đơn anh Lại Văn H trình bày: Về thời gian kết hôn, nữa trang ngày cưới, con chung, tài sản chung và mâu thuẫn gia đình là đúng như đơn khởi kiện. Về mâu thuẫn gia đình thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống. Chúng tôi đã cố gắn khuyên bảo lẫn nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng điều không được dẫn đến đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Chúng tôi ly thân với nhau từ tháng 4/2018 cho đến nay.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Tôi xin được ly hôn chị Nguyễn Thị TL.

Về con chung: Lại Thành D, sinh ngày 28/7/2015, tôi yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, tôi không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo nội dung đơn khởi kiện, bảng tự khai của nguyên đơn cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có sơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Xin ly hôn và nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại xã NVT, huyện BT, tỉnh VL và có mặt tại địa phương do đó căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện BT được

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét Trong suốt quá trình giải quyết vụ án từ lúc thụ lý đến khi xét xử: chị Nguyễn Thị TL cố tình vắng mặt không đến dự tất cả các phiên hòa giải và các phiên tòa xét xử. Do đó căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt chị L.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2014, anh Lại Văn H và chị Nguyễn Thị TL kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NVT, huyện BT, tỉnh VL, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình

chung sống thì anh H và chị L thường xuyên xảy ra mâu thuẫn với nhau, bất đồng quan điểm sống. Anh H và chị L ly đã thân nhau từ tháng 4/2018 cho đến nay. Anh H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Do đó anh H xin ly hôn chị L là có căn cứ. Áp dụng vào Điều 9, 51, 53, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của anh H.

[4]Xét về con chung: Anh Lại Văn H và chị Nguyễn Thị TL sống chung với nhau có 1 con chung tên Lại Thành D, sinh ngày 28/7/2015, hiện cháu đang sống chung với anh H, nay anh H yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy từ khi anh H và chị L sống ly thân với nhau, anh H là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến nay. Anh H yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng là hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc, không trái quy định của pháp luật. Áp dụng Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của anh H.

Chị Nguyễn Thị TL được quyền tới lui, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nhưng chị L không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây anh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[5]Về quan hệ tài sản: Anh Lại Văn H và chị Nguyễn Thị Thảo L không tranh chấp, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quãn lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Anh Lại Văn H nộp 300.000 đồng, anh H được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biện lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015350 ngày 5/3/2019 do Chi cục thi hành án dân sự huyện BT thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào Điều 9, 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Điều 147, Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quãn lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lại Văn H.

1/Về quan hệ hôn nhân: Anh Lại Văn H được ly hôn chị Nguyễn Thị TL.

2/Về con chung: Anh Lại Văn H được tiếp tục nuôi con chung tên Lại Thành D, sinh ngày 28/7/2015, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị TL được quyền tới lui, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nhưng chị L không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây anh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3/Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/Về án phí Hôn nhân sơ thẩm:

- Anh Lại Văn H nộp 300.000 đồng, anh Hưởng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biện lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015350 ngày 5/3/2019 do Chi cục thi hành án dân sự huyện BT thu.

5/Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6/Án xử công khai có mặt nguyên đơn anh Lại Văn H biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn chị Nguyễn Thị TL vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, bản sao bản án hoặc niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi thường trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Vĩnh Long;
- VKS Huyện Bình Tân;
- THA huyện Bình Tân;
-UBND xã Nguyễn Văn Thảnh, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long;
- các đương sự;
- Lưu.

Phạm Thành Tựu